TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 238/2025/HC-PT
Ngày: 15 - 9 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 101/2025/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 536/2024/HC-ST ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 470/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị H (có mặt);

Địa chỉ: A Quốc lộ A, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 160 Quốc lộ A, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G (có mặt);

Địa chỉ: D Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh);

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố T;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trường Trung cấp kỹ thuật Nông nghiệp Thành phố H (vắng mặt);

Địa chỉ: D Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trần Thị H trình bày:

Nhà, đất tại địa chỉ A Quốc lộ A, khu phố C, phường T, thành phố T, diện tích 1.261,1m^2 thuộc một phần thửa số 1 (BĐĐC năm 2003), có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng từ năm 1982 và sử dụng ổn định, không tranh chấp đến nay.

Năm 2018, bà nộp hồ sơ đề nghị Văn phòng Đ - Chi nhánh Q yêu cầu kiểm tra nội nghiệp bản vẽ của phần đất trên nhưng bị từ chối với lý do Ủy ban nhân dân phường T xác nhận phần đất này có một phần thuộc Giấy phép sử dụng số 03/GPCĐ-77 ngày 22/01/1977 của Uỷ ban nhân dân Thành phố cấp cho Trường T và phần đất còn lại thuộc danh sách đất do Nhà nước quản lý.

Bà đã khởi kiện Văn phòng Đ yêu cầu duyệt nội nghiệp bản vẽ trên và được giải quyết bằng Bản án số 1883/2022/HC-ST ngày 17/10/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Sau khi bản án trên có hiệu lực pháp luật, bà đã được Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố T duyệt nội nghiệp bản vẽ. Tuy nhiên, khi bà nộp hồ sơ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên thì Ủy ban nhân dân thành phố T lại hoàn trả hồ sơ theo Văn bản số 7655/UBND-VPĐK ngày 08/12/2023 cũng với lý do Ủy ban nhân dân phường T xác nhận nguồn gốc đất của bà có một phần thuộc Giấy phép sử dụng số 03/GPCĐ-77 ngày 22/01/1977 của Uỷ ban nhân dân Thành phố cấp cho Trường T và phần đất còn lại thuộc danh sách đất do Nhà nước quản lý nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận.

Lô đất bà đang sử dụng là lô 29, 30 nằm tiếp giáp với Trường T. Theo Trích sao sổ địa bộ ngày 20/5/1998 của Sở Địa chính (do Ủy ban nhân dân thành phố T cung cấp) không có lô 29, 30. Ngoài ra, theo Biên bản vận động bàn giao mặt bằng năm 2019 thì căn nhà của bà đã có từ năm 1984 nên xác nhận của Ủy

ban nhân dân phường T cho rằng nhà của bà xây dựng năm 2014 là không đúng.

Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 7655/UBND-VPĐK ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T nhận lại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với phần nhà, đất nêu trên cho bà.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Ngày 23/10/2023, bà Trần Thị H có Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, phường T, thành phố T, diện tích 1261,1m^2.

Căn cứ khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, ngày 25/10/2023, Ủy ban nhân dân phường T có Danh sách số 17/DS-UBND trong đó niêm yết công khai đối với hồ sơ của bà Trần Thị H.

Ngày 15/11/2023, Ủy ban nhân dân phường T có Văn bản số 466/UBND về việc báo cáo nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, quá trình tạo lập nhà ở của bà Trần Thị H. Theo đó:

"Nguồn gốc sử dụng đất:

Một phần đất thuộc Giấy phép sử dụng đất số 03/GPCĐ-77 ngày 22/01/1977 của Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho Trường Trung cấp Nông nghiệp Thành phố H và phần đất còn lại trước năm 1975 là do Bộ Q1 (Bộ G1 và công chánh) đứng bộ năm 1974. Sau năm 1975, hiện trạng đất trống do Nhà nước quản lý. Đến khoảng năm 1996, một số hộ dân đến chiếm dụng và bán lại cho bà Trần Thị H sử dụng đến nay.

Việc đăng ký kê khai qua các thời kỳ (299/TTg, 02/CT-UB. 2003, 2004):

Tài liệu năm 2003: Thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 6, loại ruộng đất ĐM, do Ủy ban nhân dân phường đứng tên trong sổ dã ngoại.

- Tài liệu 02/CT-UB:

+ Thuộc một phần thửa số 29, tờ bản đồ số 8, loại ruộng đất M do Ủy ban xã là chủ sử dụng trong sổ mục kê.

+ Thuộc một phần thửa số 30, tờ bản đồ số 8, loại ruộng đất M do Ủy ban xã là chủ sử dụng trong số muc kê.

+ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 8, loại ruộng đất CDK, tên chủ sử dụng trong sở mục kê để trống.

+ Và một phần thuộc suối.

- Tài liệu 299/TTg:

+ Thuộc một phần thửa số 472, tờ bản đồ số 1, loại ruộng đất Hg do Ủy ban đăng ký sử dụng chính thức.

+ Thuộc một phần thửa số 742, tờ bản đồ số 1, loại ruộng đất Hg do Ủy ban đăng ký sử dụng chính thức.

Thuộc danh sách đất do Nhà nước trực tiếp quản lý: có".

Căn cứ xác nhận nguồn gốc của Ủy ban nhân dân phường T, Ủy ban nhân dân thành phố T có Văn bản số 7655/UBND-VPĐK ngày 08/12/2023 về việc hoàn trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Văn bản số 7655/UBND-VPĐK về việc hoàn trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét, xét xử theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Lê Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 23/10/2023, bà Trần Thị H có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, phường T, thành phố T với diện tích 1.261,1m^2.

Ngày 25/10/2023, Ủy ban nhân dân phường T đã niêm yết trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận của bà H.

Căn cứ các tài liệu địa chính lưu tại Ủy ban nhân dân phường T, ngày 15/11/2023, Ủy ban nhân dân phường T có Văn bản số 466/UBND báo cáo nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, quá trình tạo lập nhà của bà Trần Thị H có nội dung như Ủy ban nhân dân thành phố T đã trình bày phía trên là đúng quy định của pháp luật.

Theo Họa đồ vị trí nhà xin số ngày 29/6/2007 được Ủy ban nhân dân phường T thì vị trí căn nhà số A Quốc lộ A, ấp C, phường T, Quận I (nay là thành phố T) thuộc thửa số 23, tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 2003). Do đó, vị trí căn nhà hiện nay bà Trần Thị H đề nghị cấp giấy chứng nhận và vị trí căn nhà số A Quốc lộ A (theo Thông báo tạm cấp số nhà số 698/TB-UBND-QLĐT ngày 19/7/2007 là không cùng vị trí).

Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, Ủy ban nhân dân phường T đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 536/2024/HC-ST ngày 05 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 7655/UBND-VPĐK ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T nhận lại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với phần nhà, đất có diện tích 1.261,1m^2 thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 6, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2024 người khởi kiện bà Trần Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Trần Thị H (có ông Nguyễn Văn G là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ để xác định diện tích đất của Trường Trung cấp kỹ thuật Nông nghiệp Thành phố H và diện tích đất do Ủy ban nhân dân phường T quản lý là bao nhiêu m^2. Trong sơ đồ cấp cho trường nông nghiệp không có thửa 29, 30 của gia đình ông, bà, sổ địa chính số 421 ngày 20/5/1998 bảo là đất giao thông công chánh thì không có thửa 29, 30 gia đình ông, bà đang sử dụng. Do đó, Uỷ ban nhân dân cho rằng phần đất của ông, bà là đất công là không có căn cứ.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bà H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1261,1m^2 tại 160 Quốc lộ A thuộc một phần thửa 29, 30 tờ bản đồ 8 xã T là không đúng, vì phần đất bà H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay thuộc thửa 01, đối chiếu với bản đồ, danh sách đất công, bản vẽ sơ đồ Nhà đất của công ty Đ1 thì phần đất bà H yêu cầu có một phần đã cấp cho trường nông nghiệp, phần còn lại do UBND phường T quản lý. Khi thực hiện bồi thường làm đường X, UBND phường T đã nhiều lần xác minh nguồn gốc đất. Căn cứ quy định của Luật đất đai thì trường hợp bà H không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ngày 23/10/2023, bà Trần Thị H có đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 6, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 1.261,1m^2 thuộc một phần thửa số 1 (BĐĐC năm 2003). Ngày 08/12/2023 Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản số 7655/UBND-VPĐK hoàn trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận của bà H.

Bà H cho rằng nhà, đất tại địa chỉ A Quốc lộ A, khu phố C, phường T, thành phố T, diện tích 1.261,1m^2 thuộc một phần thửa số 1 (BĐĐC năm 2003), có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng từ năm 1982 và sử dụng ổn định, không tranh chấp đến nay, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy văn bản số 7655/UBND-VPĐK và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu đối với nhà, đất nêu trên cho bà.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T cho rằng văn bản số 7655/UBND-VPĐK ngày 08/12/2023 được ban hành đúng quy định pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

Bà Trần Thị H yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối phần nhà, đất có diện tích 1.261,1m^2 tọa lạc tại phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng toàn bộ phần đất trên có một phần thuộc đất công do Nhà nước quản lý, một phần đã cấp cho Trường Trung cấp Nông nghiệp Thành phố H. Như vậy bà H đã có hành vi lấn, chiếm đất, vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 12 Luật Đất đai năm 2013. Đối chiếu với các quy định từ Điều 101, 102, 103 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ từ Điều 21 đến Điều 30 về các điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì trường hợp của bà H không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Theo nội dung nhận định nêu tại mục [3] thì phần đất của bà H không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có một phần diện tích đã cấp cho Trường Trung cấp Nông nghiệp Thành phố H, và một phần diện tích là đất công do Ủy ban nhân dân phường T quản lý. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các nội dung sau:

- Mặc dù, cấp sơ thẩm có đưa Trường Trung cấp Nông nghiệp Thành phố H vào tham gia tố tụng, nhưng quá trình tố tụng Trường Trung cấp Nông nghiệp Thành phố H vắng mặt và không có ý kiến trình bày. Tòa án chưa thu thập tài liệu, chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho Trường Trung cấp Nông nghiệp Thành phố H theo giấy phép sử dụng đất số 03/GPCĐ-77 ngày 22/01/1977, để xác định cụ thể phần diện tích đất đã cấp cho T nông nghiệp nằm trong diện tích 1.261,1m^2 bà H đang quản lý, sử

dụng là bao nhiêu? Xác định vị trí phần đất đã cấp cho T nông nghiệp trong phần đất bà H đang quản lý sử dụng?

- Tương tự đối với phần đất được xác định là nằm trong diện tích đất công do Ủy ban nhân dân phường T quản lý, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ diện tích cụ thể phần đất công là bao nhiêu? Vị trí đất trong phần đất bà H đang quản lý, sử dụng?

- Mặt khác, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1883/2022/HC-ST ngày 17/10/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bản án hành chính phúc thẩm số 464/2023/HC-PT ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì Tòa án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc kiểm tra nội nghiệp đối với bản vẽ sơ đồ nhà, đất cho bà H phần đất có diện tích 1263,3m^2 thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 6, phường T. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Đ chi nhánh thành phố T đã thực hiện việc kiểm tra nội nghiệp bản vẽ cho bà H đối với diện tích đất trên. Nội dung trình bày và chứng cứ chứng minh của bà H trong vụ án đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nêu trên và trong vụ án này là giống nhau, nhưng quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nội dung này là đánh giá chưa đầy đủ tài liệu, chứng cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H; Hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

[6] Bản án sơ thẩm bị hủy do chưa thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến nội dung vụ án.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị H;

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 536/2024/HC-ST ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị H không phải chịu; Hoàn

trả cho bà H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0069603 ngày 25/12/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
-NLQ (2);
- Lưu (10) 19b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên